

Số: *1533* /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày *19* tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014; Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 294/TTr-SNN ngày 20/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG

1. Quan điểm:

- Quy hoạch sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp (sau đây viết tắt VTNN) phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh, nhằm nâng cao hiệu quả, đảm bảo thuận tiện cho công tác quản lý nhà nước về sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xây dựng quy hoạch sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp theo nhu cầu giống, VTNN trên cơ sở đảm bảo tự do kinh doanh, nhằm tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Số lượng, phân bố các cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với đặc điểm, đặc thù và điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, đảm bảo hiệu quả đầu tư phát triển.

- Quy hoạch sản xuất, kinh doanh giống, VTNN theo nguyên tắc đảm bảo các tiêu chí bắt buộc đối với các sản phẩm kinh doanh có điều kiện, bảo đảm sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

Phát triển sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn toàn tỉnh có sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước. Nhằm nâng cao năng lực của cả hệ thống theo hướng công nghiệp, hiện đại, kinh doanh minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, đúng pháp luật, góp phần to lớn để tăng nhanh năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả sản xuất nông nghiệp của tỉnh và nâng cao thu nhập của nông dân một cách bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Đến năm 2020:

- Hệ thống cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, VTNN đáp ứng đủ nhu cầu cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, hàng năm cung ứng:

+ Giống cây trồng: 7.200 tấn giống lúa (hạn chế tình trạng các hộ gia đình tự sử dụng thóc thặng làm giống), 4.260 tấn giống lạc, 230 tấn giống ngô, 305,5 tấn rau, đậu các loại.

+ Giống cây ăn quả: 310 nghìn cây cam, 200 nghìn cây bưởi.

+ Giống cây lâm nghiệp bình quân hàng năm sản xuất 12 triệu cây (đáp ứng 100% giống được công nhận), chè: 8,4 triệu bầu.

+ Giống lợn: 204.700 con lợn giống, trong đó có 104.000 nái (gồm có 31.000 nái ngoại, 57.000 nái lai).

+ Giống bò: Mỗi huyện, thành phố, thị xã có 1-2 điểm cung ứng, truyền tinh nhân tạo giống, xây dựng trung tâm bò giống sinh sản chất lượng cao 100% máu ngoại quy mô 15.000 con. Nhập ngoại 16.000 liều tinh bò thịt chất lượng cao mỗi năm để phối giống với bò nái nền lai Zebu đạt tiêu chuẩn, cung ứng đủ nhu cầu theo chương trình cải tạo đàn bò theo hướng Zebu và nâng cao chất lượng giống.

+ Giống thủy sản mặn lợ: 4.850 triệu con giống/năm; xây dựng mới 02 trại ương dưỡng giống 65 triệu post/năm.

+ Giống thủy sản nước ngọt: Sản xuất và ương dưỡng 35 triệu con giống/năm.

+ Vật tư nông nghiệp: 121.386 tấn phân bón, 424 tấn thuốc bảo vệ thực vật, 155 tấn thuốc thú y, 856.135 tấn thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.

- 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn tỉnh được đào tạo, phổ biến các quy định về sản xuất, kinh doanh giống, VTNN và danh mục các giống, VTNN được sản xuất, kinh doanh. Ký cam kết không vi phạm các điều kiện sản xuất, kinh doanh.

- Hoàn thiện bộ máy quản lý, kiểm soát tốt chất lượng giống, VTNN bảo đảm kiểm soát 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, VTNN theo quy định.

- 100% cán bộ làm công tác kiểm định, kiểm nghiệm, xét nghiệm chất lượng giống, VTNN được đào tạo.

2.2.2. Định hướng đến năm 2030:

Tiếp tục củng cố các thành tựu đã đạt được của giai đoạn đến năm 2020. Đẩy mạnh quản lý, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đảm bảo phát triển sản xuất, kinh doanh giống VTNN của tỉnh bền vững, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất ổn định, sản phẩm có chất lượng cao gắn với mạng lưới kinh doanh đáp ứng nhu cầu cho người sản xuất, sản phẩm thân thiện môi trường, bảo đảm sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

3. Định hướng chung:

- Trên cơ sở quy hoạch sản xuất của tỉnh đối với từng sản phẩm chủ lực, xác định cụ thể nhu cầu, danh mục, chủng loại của từng giống, VTNN để bố trí hệ thống sản xuất, kinh doanh cung ứng phù hợp từng loại.

- Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động về sản xuất, kinh doanh giống, VTNN đảm bảo tuân thủ pháp luật, sản xuất, cung ứng đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng phục vụ nhu cầu sản xuất, bảo đảm sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, sinh thái.

- Trên cơ sở các quy định hiện hành, lựa chọn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung ứng có năng lực, có uy tín, đủ tiêu chuẩn, giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo để làm trụ cột trong sản xuất, cung ứng giống, VTNN cho toàn tỉnh và đưa vào quy hoạch. Trong quá trình thực hiện các tổ chức, cá nhân không đáp ứng tiêu chí quy hoạch thì đưa ra khỏi mạng lưới và khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực tham gia hoạt động.

- Có chính sách, giải pháp để bảo trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh cung ứng chấp hành tốt các quy định của pháp luật, đồng thời xử lý nghiêm, loại bỏ các đối tượng làm trái quy định của pháp luật.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

1. Về sản xuất giống cây trồng:

1.1. Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở sản xuất giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải đáp ứng được các tiêu chí như sau:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống cây trồng;

- Có địa điểm sản xuất giống cây trồng phù hợp quy hoạch nông thôn mới cấp xã và các quy hoạch khác, phù hợp với yêu cầu sản xuất của từng loại giống, từng cấp giống; bảo đảm tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loại giống, từng cấp giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố;

- Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật trồng trọt.

1.2. Định hướng quy hoạch:

1.2.1. Giống cây trồng ngắn ngày:

a) Sản xuất giống lúa:

- Đến năm 2020 diện tích sản xuất giống xác nhận khoảng 1.055ha (thị xã Hồng Lĩnh 64ha, huyện Thạch Hà 194ha, huyện Cẩm Xuyên 130ha, huyện Can Lộc 279ha, huyện Đức Thọ 335ha), năng suất 9 tấn/ha/năm; trong đó đạt tiêu chuẩn làm giống dự kiến 80%; sản lượng giống đạt cấp xác nhận: 7.200 tấn, tiến tới chấm dứt tình trạng nông dân sử dụng thóc thối làm giống.

- Diện tích sản xuất từ giống siêu nguyên chủng ra giống nguyên chủng khoảng 10ha/vụ, tập trung chủ yếu trại giống lúa Thiên Lộc và một số địa phương do doanh nghiệp chủ động tổ chức sản xuất, nhưng phải đủ điều kiện theo yêu cầu sản xuất hạt giống nguyên chủng. Dự kiến hạt giống nguyên chủng năng suất 4 tấn/ha/năm, sản lượng 80 tấn.

b) Sản xuất giống lạc:

Đến năm 2020 diện tích sản xuất lạc giống hàng năm 1.709ha, tại các huyện: Hương Sơn 140ha, Hương Khê 200ha, Đức Thọ 80ha, Vũ Quang 55ha, Nghi Xuân 200ha, Can Lộc 130ha, Lộc Hà 314ha, Thạch Hà 360ha, Cẩm Xuyên 130ha, Kỳ Anh 100ha. Dự kiến sản lượng lạc giống đạt 4.260 tấn đáp ứng đủ nhu cầu giống cho sản xuất lạc hàng năm.

c) Sản xuất giống ngô:

- Đến năm 2020 diện tích sản xuất giống hàng năm 540ha, tại các huyện: Hương Sơn 230ha, Hương Khê 132ha, Đức Thọ 73ha, Vũ Quang 35ha. Sản lượng giống 230 tấn đáp ứng đủ nhu cầu giống cho sản xuất ngô hàng năm.

d) Sản xuất giống rau, củ, quả, đậu:

- Tiếp tục sử dụng có hiệu quả 12ha của Tổng Công ty Khoáng sản phục vụ cho việc nghiên cứu, khảo nghiệm giống, chuyển giao công nghệ và cung ứng giống rau, củ, quả mới có năng suất cao, chất lượng tốt, kháng sâu bệnh và phù hợp với điều kiện khí hậu.

- Xem xét mở rộng vùng khảo nghiệm, tiến tới sản xuất một số giống với diện tích 10ha tại xã Thạch Văn, huyện Thạch Hà.

1.2.2. Sản xuất giống cây ăn quả:

Tập trung sản xuất, chọn tạo các loại giống cây ăn quả đặc sản, có thể mạnh của tỉnh, như: Cam bù Hương Sơn, Bưởi Phúc Trạch, Cam chanh.

- Giống bưởi Phúc Trạch do trại giống bưởi Phúc Trạch sản xuất và cung ứng.

- Giống cam chanh do Trung tâm Chuyển giao khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Hương Sơn, huyện Vũ Quang sản xuất và cung ứng.

- Giống cam bù do Trung tâm Chuyển giao khoa học kỹ thuật và Bảo vệ cây trồng vật nuôi huyện Hương Sơn sản xuất và cung ứng.

Ngoài ra các giống cây ăn quả chủ yếu do các vườn ươm tại các huyện: Hương Sơn, Hương Khê, Can Lộc sản xuất và cung ứng.

1.2.3. Sản xuất giống cây lâm nghiệp, cây công nghiệp:

- Giống cây lâm nghiệp:

+ Cùng cố, nâng cấp 5 cơ sở sản xuất giống hiện có trên địa bàn, gồm: Ban Quản lý Rừng phòng hộ Nam Hà Tĩnh, Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gỗ, Công ty TNHH Bảo Lâm, Doanh nghiệp tư nhân Tân Thanh Phong và hộ tư nhân Nguyễn Đức Hồng với công suất 12 triệu cây/năm; tại các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Hương Sơn, Hương Khê, trong đó phát huy có hiệu quả trung tâm giống chất lượng cao tại huyện Cẩm Xuyên;

+ Nâng cấp công suất phòng nuôi cấy mô tế bào từ 20.000 cây/năm lên 40.000 cây/năm của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ để sản xuất cây cấy mô cung cấp cây mẹ cho các vườn giâm hom sản xuất cây giống.

- *Giống chè:* Hàng năm các trung tâm ươm giống chè được đặt tại các xí nghiệp chè của Công ty Cổ phần chè Hà Tĩnh và Tổng đội Thanh niên xung phong Xây dựng khu kinh tế mới Tây Sơn có nhiệm vụ sản xuất và cung ứng 8,4 triệu bầu giống để phục vụ trồng ở các vùng đã quy hoạch.

(Chi tiết sản xuất giống cây trồng có Phụ biểu 01 kèm theo)

2. Sản xuất giống vật nuôi chủ yếu:

2.1. Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở sản xuất giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải đáp ứng các tiêu chí như sau:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống vật nuôi;
- Có địa điểm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi phù hợp với Quy hoạch phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung của tỉnh, các quy hoạch khác và phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc sản xuất, kinh doanh của từng loài vật nuôi, có hồ sơ theo dõi giống;
- Thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống vật nuôi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành;
- Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật chăn nuôi, thú y.

Các hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi theo hình thức chăn nuôi truyền thống mà không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh thì không phải thực hiện quy định như trên nhưng phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y, pháp luật về thủy sản và pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.2. Định hướng quy hoạch:

a) Sản xuất giống lợn:

Tập trung đầu tư phát triển giống lợn theo quy hoạch đã duyệt. Sử dụng giống lợn ngoại có chất lượng tốt như Landrace, Yorkshire, Duroc...; thực hiện

kiểm soát khâu tuyển chọn, lai tạo và sản xuất giống, nhằm nâng cao chất lượng đàn lợn nái.

Đến năm 2020 có 204.700 con lợn giống, trong đó có 104.000 nái (gồm có 31.000 nái ngoại, 57.000 nái lai).

* Nái ngoại:

- Nái ngoại cấp ông bà: Xây dựng cơ sở nuôi lợn giống cấp ông bà có quy mô trên 200 nái, đến năm 2020 có 3.200 con trên địa bàn tỉnh.

- Nái ngoại cấp bố mẹ: Xây dựng các cơ sở quy mô trên 1.200 - 2.000 nái ngoại (mô hình Công ty Cổ phần chăn nuôi Mitraco), các cơ sở có quy mô từ 100 nái trở lên và trang trại nuôi khép kín có quy mô từ 50 - 99 nái để sản xuất lợn thương phẩm. Đến năm 2020: 20.000 nái ngoại cấp bố mẹ.

* Nái lai: Chọn lọc những con lai F₁ giữa các đực Landrace, Yorkshire và nái Móng Cái đủ tiêu chuẩn làm giống. Giống thương phẩm: Sử dụng nái lai phối với đực cuối là Duroc hoặc PiDu. Chăn nuôi lợn nái lai tại các gia trại và chăn nuôi truyền thống trong nông hộ; đến năm 2020 có 57.000 con nái lai.

* Lợn đực giống: Đàn lợn đực giống dùng để thụ tinh nhân tạo: Tăng cường chăm sóc, nuôi dưỡng, tiến hành chọn lọc, bình tuyển, mua bổ sung đủ quy mô đực giống chất lượng cao, tổng số khoảng 300 đực giống.

* Đàn lợn sử dụng phối giống trực tiếp: Triển khai công tác đăng ký, bình tuyển, xếp cấp, loại thải, thay thế những lợn giống không đạt phẩm cấp.

b) Sản xuất giống bò:

Quy hoạch mỗi huyện, thành phố, thị xã có 1-2 điểm cung ứng, truyền tinh nhân tạo giống để tăng tỷ lệ bò lai Zêbu.

Đẩy mạnh chương trình Zêbu hóa đàn bò, với mục tiêu nâng tỷ lệ bò lai Zêbu lên 50% năm 2020, bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, nâng cao thể vóc, chất lượng thịt.

Xây dựng trung tâm bò giống sinh sản chất lượng cao 100% máu ngoại quy mô 15.000 con tại các huyện: Kỳ Anh, Cẩm Xuyên. Nhập ngoại 16.000 liệu tinh bò thịt chất lượng cao để phối giống với bò nái nền lai Zêbu đạt tiêu chuẩn, cung cấp giống cho các vệ tinh chăn nuôi bò thịt liên kết quy mô từ 10-20 con/hộ.

Tiếp tục nhập đủ quy mô 5.000 con bò sữa để nhân giống, cung cấp cho các vệ tinh liên kết với Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn và xã Thường Nga, huyện Can Lộc.

c) Sản xuất giống gia cầm:

Quy hoạch mỗi huyện có 5-6 cơ sở sản xuất giống gia cầm thương phẩm. Xây dựng 12-15 lò ấp trứng, giống gia cầm quy mô 50.000 -100.000 trứng giống tại các vùng chăn nuôi gia cầm phát triển, như các huyện: Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Can Lộc... Hàng năm cung ứng 441.000 con giống.

d) Sản xuất giống hươu:

Tăng cường công tác bình tuyển, chọn lọc, nâng cao chất lượng đàn hươu giống. Xây dựng dữ liệu đàn hươu giống phục vụ dự án trung tâm hươu giống chất lượng cao tại xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn, cung cấp con giống chất lượng cao cho phát triển đàn. Xây dựng trung tâm giống hươu hạt nhân tại xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn quy mô trên 10.000 con, bảo đảm cung ứng đủ nguồn giống cho phát triển chăn nuôi hươu trên địa bàn tỉnh.

e) Sản xuất giống thủy sản:

- Về giống thủy sản mặn lợ:

Cần tập trung củng cố, nâng cấp các trại hiện có, xây dựng mới các cơ sở ương dưỡng đảm bảo đủ tiêu chuẩn kỹ thuật. Phát huy hết công suất các cơ sở sản xuất, ương giống nhất là trại giống Công ty Thông Thuận công suất 4,0 tỷ con giống/năm. Trại sản xuất tôm giống Công ty Grobest tại xã Kỳ Nam, thị xã Kỳ Anh, công suất 850 triệu con giống/năm.

Xây dựng mới 2 trại ương dưỡng giống tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân với công suất từ 30 triệu post/năm và tại xã Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh công suất 35 triệu post/năm.

- Về giống thủy sản nước ngọt:

Nâng cấp 2 trại sản xuất giống cá nước ngọt (trại cá Đức Long và trại cá Tiên Lộc) và xây mới, nâng cấp đưa tổng số lên 70 cơ sở ương giống cấp 2 của 13 huyện, thị, thành phố. Năm 2020 sản xuất và ương dưỡng được 35 triệu con giống, đáp ứng đủ nhu cầu giống cá nước ngọt thả nuôi trên toàn tỉnh.

(Chi tiết sản xuất giống vật nuôi có Phụ biểu 02 kèm theo)

3. Về sản xuất vật tư nông nghiệp:

3.1. Sản xuất phân bón:

3.1.1. Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở sản xuất phân bón phải đáp ứng các tiêu chí:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có ngành nghề về sản xuất phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đáp ứng các tiêu chí về vật chất - kỹ thuật, gồm:

+ Địa điểm, diện tích, nhà xưởng, kho chứa phù hợp với công suất sản xuất phân bón;

+ Máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ phù hợp với công suất và chủng loại sản xuất;

+ Áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng; có tiêu chuẩn áp dụng cho nguyên liệu đầu vào đảm bảo các điều kiện về quản lý chất lượng sản phẩm;

+ Có hệ thống xử lý chất thải bảo đảm xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

+ Có đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Đáp ứng yêu cầu về nhân lực:

+ Đội ngũ quản lý, kỹ thuật, điều hành sản xuất phân bón có trình độ chuyên môn về hóa, lý hoặc sinh học, trong đó: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật của cơ sở sản xuất phân bón phải có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên;

+ Người lao động trực tiếp sản xuất phân bón phải được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về phân bón.

- Thực hiện các quy định về công bố chất lượng và ghi nhãn hàng hóa đối với bao bì sản phẩm.

3.1.2. Định hướng quy hoạch:

Tiếp tục duy trì, sản xuất và cung ứng sản phẩm ra thị trường đảm bảo chất lượng tốt, giá thành hạ của các nhà máy: Sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ rác thải - Công ty TNHH một thành viên Quản lý công trình đô thị tại huyện Cẩm Xuyên, công suất 29.000 tấn/năm và nhà máy phân hữu cơ vi sinh Mitraco đặt tại thị xã Hồng Lĩnh, công suất 30.000 tấn/năm; tăng năng suất của nhà máy sản xuất phân bón NPK của Công ty Cổ phần Phân bón Nghệ Tĩnh đặt tại địa bàn huyện Thạch Hà, công suất 10.000 tấn/năm. Tăng năng suất nhà máy sản xuất phân Hữu cơ Hoàn Sơn đặt tại huyện Kỳ Anh công suất 150.000 tấn/năm. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, đầu tư nhà máy sản xuất phân bón trên địa bàn tỉnh để đáp ứng nhu cầu sản xuất.

3.2. Sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

3.2.1. Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng các tiêu chí:

- Phải có địa điểm thuận tiện cho việc sản xuất, kinh doanh; không bị ngập úng; không gần các nguồn hoá chất, vi sinh vật có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm thức ăn chăn nuôi; có tường bao hoặc hàng rào cố định cách biệt với bên ngoài;

- Mặt bằng nhà xưởng thuận lợi cho việc bốc dỡ, chế biến, bảo quản nguyên liệu và sản phẩm; có đủ diện tích cho việc bố trí các trang thiết bị bảo đảm thuận tiện cho việc vận hành sản xuất, làm vệ sinh và an toàn lao động; dây chuyền sản xuất phải được bố trí hợp lý nhằm hạn chế thấp nhất khả năng gây nhiễm chéo giữa các công đoạn sản xuất; khu vực xử lý nguyên liệu dạng lỏng phải được thiết kế bảo đảm thoát ẩm, thoát mùi, dễ làm sạch và khử trùng; khu xử lý nhiệt phải bảo đảm thông thoáng, thoát nhiệt và an toàn;

- Nhà xưởng phải có kết cấu vững chắc phù hợp với tính chất và quy mô sản xuất của cơ sở, bảo đảm an toàn và phòng chống cháy nổ;

- Hệ thống máy móc, thiết bị phải được lắp đặt, vận hành bảo đảm an toàn cho người lao động, dễ dàng cho việc vệ sinh, bảo dưỡng và thuận lợi cho công tác kiểm tra;

- Sân bãi và đường đi phải có mặt bằng đủ rộng thuận tiện cho việc vận chuyển và bốc dỡ hàng hoá;

- Hệ thống kho phải thoáng mát, khô ráo bảo đảm thuận tiện cho việc xuất nhập nguyên liệu và sản phẩm;

- Đối với sản xuất, gia công thức ăn gia súc, gia cầm: Nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên về chuyên ngành chăn nuôi, thú y, chế biến thực phẩm, hoá thực phẩm. Đối với sản xuất, gia công thức ăn thủy sản: Nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên về chuyên ngành chế biến thực phẩm, hoá thực phẩm, nuôi trồng thủy sản;

- Thực hiện các quy định về công bố chất lượng và ghi nhãn hàng hóa đối với bao bì sản phẩm.

3.2.2. Định hướng quy hoạch:

- Thức ăn chăn nuôi: Nâng cấp và phát huy hết công suất nhà máy chế biến thức ăn gia súc Thiên Lộc. Xây mới thêm 1 nhà máy tại địa bàn huyện Kỳ Anh với công suất 100 ngàn tấn/năm, phục vụ chăn nuôi các huyện phía Nam của tỉnh.

- Thức ăn nuôi trồng thủy sản: Nguồn thức ăn công nghiệp phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trước mắt sẽ được cung ứng từ các nhà máy sản xuất thức ăn lớn trong nước của các hãng, như: CP, Grobest, UP, Cagil... thông qua kênh phân phối trực tiếp hoặc qua các đại lý trên địa bàn toàn tỉnh. Từng bước xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản hoặc kêu gọi các tập đoàn sản xuất thức ăn lớn về Hà Tĩnh đặt nhà máy chế biến gắn với các vùng nguyên liệu phong phú như các nhà máy đông lạnh, cảng cá, sản phẩm nông nghiệp...

4. Về kinh doanh:

4.1. Giống cây trồng:

a) Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở kinh doanh giống cây trồng phải đáp ứng các tiêu chí:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có mặt hàng về giống cây trồng; có địa điểm kinh doanh và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với việc kinh doanh từng loại giống, từng cấp giống.

- Có nhân viên kỹ thuật đủ năng lực nhận biết loại giống kinh doanh và nắm vững kỹ thuật bảo quản giống cây trồng.

b) Định hướng mạng lưới kinh doanh:

Quy hoạch 76 cơ sở kinh doanh giống cây trồng, phân bố tại: Thành phố Hà Tĩnh 03 cơ sở, thị xã Hồng Lĩnh 01 cơ sở, huyện Kỳ Anh 02 cơ sở, thị xã Kỳ Anh 04 cơ sở, huyện Cẩm Xuyên 06 cơ sở, huyện Thạch Hà 08 cơ sở, huyện Lộc Hà 05 cơ sở, huyện Can Lộc 06 cơ sở, huyện Đức Thọ 05 cơ sở, huyện Nghi Xuân 13 cơ sở, huyện Vũ Quang 03 cơ sở, huyện Hương Khê 10 cơ sở, huyện Hương Sơn 10 cơ sở, hàng năm cung ứng ra thị trường dự kiến 12.588,6 tấn giống cây trồng, 769.400 cây ăn quả, 11,5 triệu cây lâm nghiệp, 8,4 triệu bầu giống chè.

4.2. Giống vật nuôi:

a) Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở kinh doanh giống vật nuôi phải đáp ứng các tiêu chí:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống vật nuôi;
- Có địa điểm kinh doanh giống vật nuôi phù hợp với quy hoạch của ngành và phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc kinh doanh của từng loài vật nuôi và từng phẩm cấp giống, có hồ sơ theo dõi giống.

- Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản (nếu kinh doanh đàn giống bố mẹ, giống thương phẩm);

- Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có bằng đại học chuyên ngành chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản (nếu kinh doanh giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống hạt nhân).

b) Định hướng mạng lưới cung ứng:

Quy hoạch 88 cơ sở kinh doanh giống vật nuôi, được phân bố tại: thành phố Hà Tĩnh 01 cơ sở, thị xã Hồng Lĩnh 01 cơ sở, huyện Kỳ Anh 05 cơ sở, thị xã Kỳ Anh 01 cơ sở, huyện Cẩm Xuyên 19 cơ sở, huyện Thạch Hà 08 cơ sở, huyện Lộc Hà 06 cơ sở, huyện Can Lộc 15 cơ sở, huyện Đức Thọ 06 cơ sở, huyện Nghi Xuân 10 cơ sở, huyện Vũ Quang 03 cơ sở, huyện Hương Khê 06 cơ sở, huyện Hương Sơn 07 cơ sở, hàng năm cung ứng ra thị trường dự kiến 16.977.210 con giống.

4.3. Phân bón:

a) Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở kinh doanh phân bón phải đáp ứng các tiêu chí:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có ngành nghề về sản xuất phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải bảo đảm giữ được chất lượng phân bón theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

- Công cụ, thiết bị chứa đựng lưu giữ phân bón phải bảo đảm chất lượng và vệ sinh môi trường; có phương tiện vận chuyển phù hợp hoặc có hợp đồng vận chuyển phân bón;

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa phân bón riêng, đáp ứng được các điều kiện về bảo quản chất lượng phân bón trong thời gian kinh doanh. Đối với các cửa hàng bán lẻ phân bón trong trường hợp không có kho chứa thì phải có công cụ, thiết bị chứa đựng, lưu giữ phân bón;

- Có chứng từ hợp pháp chứng minh rõ nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp loại phân bón kinh doanh;

- Có đủ điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

b) Định hướng mạng lưới kinh doanh:

Quy hoạch 544 cơ sở kinh doanh phân bón, phân bố tại: TP. Hà Tĩnh 19 cơ sở, thị xã Hồng Lĩnh 15 cơ sở, thị xã Kỳ Anh 17 cơ sở, huyện Kỳ Anh 72 cơ sở, huyện Cẩm Xuyên 73 cơ sở, huyện Thạch Hà 93 cơ sở, huyện Lộc Hà 29 cơ sở, huyện Can Lộc 71 cơ sở, huyện Đức Thọ 27 cơ sở, huyện Nghi Xuân 21 cơ sở, huyện Vũ Quang 16 cơ sở, huyện Hương Khê 30 cơ sở, huyện Hương Sơn 61 cơ sở, hàng năm cung ứng ra thị trường dự kiến 121.386 tấn.

4.4. Thuộc bảo vệ thực vật:

a) Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở kinh doanh thuộc bảo vệ thực vật phải đáp ứng các tiêu chí:

- Chủ cơ sở buôn bán và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật;

- Cửa hàng buôn bán phải có địa chỉ rõ ràng, ổn định, thuộc sở hữu của chủ cơ sở hoặc có hợp đồng thuê địa điểm đặt cửa hàng hợp pháp tối thiểu là 01 năm;

- Diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh, tối thiểu là 10 m². Phải là nhà kiên cố, bố trí ở nơi cao ráo, thoáng gió;

- Không được bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa là lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y, không được nằm trong khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện;

- Cửa hàng phải cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m; có nền cao ráo, chống thấm, không ngập nước; tường và mái phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa;

- Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật phải khô ráo, thoáng gió, không thấm, đột hoặc ngập úng, đảm bảo phòng, chống cháy nổ. Kệ giá để hàng cách mặt đất ít nhất 10 cm, cách tường ít nhất 20 cm. Việc sắp xếp các loại thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo không gây đổ vỡ, rò rỉ, có lối vào đủ rộng và riêng biệt từng loại;

- Có tủ trung bày, quầy, kệ hoặc giá đựng; đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện thuốc. Thiết bị chiếu sáng phải đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ; có nội quy và phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết; có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân, như: Găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng; có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường.

b) Định hướng mạng lưới kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật:

Quy hoạch 369 cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bố tại: Thành phố Hà Tĩnh 24 cơ sở, thị xã Hồng Lĩnh 05 cơ sở, thị xã Kỳ Anh 15 cơ sở, huyện Kỳ Anh 43 cơ sở, huyện Cẩm Xuyên 53 cơ sở, huyện Thạch Hà 58 cơ sở, huyện Lộc Hà 20 cơ sở, huyện Can Lộc 45 cơ sở, huyện Đức Thọ 25 cơ sở, huyện Nghi Xuân 14 cơ sở, huyện Vũ Quang 11 cơ sở, huyện Hương Khê 24 cơ sở, huyện Hương Sơn 32 cơ sở, hàng năm cung ứng ra thị trường dự kiến 424 tấn.

4.5. Thuốc thú y:

a) Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở kinh doanh thuốc thú y phải đáp ứng các tiêu chí:

- Có địa chỉ cố định, có biển hiệu ghi tên cửa hàng, cơ sở hoặc tên doanh nghiệp, mã số kinh doanh được cấp; bằng niêm yết đăng ký kinh doanh;

- Diện tích cửa hàng tối thiểu 10m², có đủ phương tiện cần thiết để bày hàng, bán hàng; hàng hóa được sắp xếp khoa học, giữ gìn sạch sẽ; có đủ sổ sách theo dõi xuất, nhập hàng;

- Không được phép bày bán thuốc thú y cùng với hàng hoá khác. Nếu được phép kinh doanh thức ăn chăn nuôi chung với thuốc thú y, phải bày bán ở khu vực riêng;

- Đối với cửa hàng, đại lý bán buôn thuốc thú y phải có kho chứa hàng, đủ diện tích; có đủ các trang thiết bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc được phép kinh doanh. Hàng hóa phải được sắp xếp trên kệ, giá. Kệ, giá để hàng phải cách mặt sàn ít nhất 20 cm, cách tường ít nhất 20cm, khoảng cách giữa các giá, kệ tối thiểu 30 cm để đảm bảo độ thông thoáng, dễ vệ sinh tiêu độc; có máy phát điện dự phòng đủ công suất;

- Cửa hàng kinh doanh vắc xin phải có thiết bị bảo quản lạnh và có phương tiện dự phòng để bảo quản vắc xin, chế phẩm sinh học khi xảy ra sự cố mất điện; có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ và ghi chép hàng ngày;

- Chủ cơ sở, người bán hàng được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo quy định;

- Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin thú y phải có phương tiện vận chuyển chuyên dùng đảm bảo yêu cầu bảo quản khi vận chuyển, phân phối đến nơi tiêu thụ.

- Chủ cơ sở hoặc người phụ trách kỹ thuật được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề theo quy định.

b) Định hướng mạng lưới kinh doanh thuốc thú y:

Quy hoạch 312 cơ sở kinh doanh thuốc thú y, được phân bố tại: Thành phố Hà Tĩnh 17 cơ sở, thị xã Hồng Lĩnh 08 cơ sở, thị xã Kỳ Anh 14 cơ sở, huyện Kỳ Anh 39 cơ sở, huyện Cẩm Xuyên 67 cơ sở, huyện Thạch Hà 38 cơ sở, huyện Lộc Hà 18 cơ sở, huyện Can Lộc 59 cơ sở, huyện Đức Thọ 06 cơ sở, huyện Nghi Xuân 14 cơ sở, huyện Vũ Quang 10 cơ sở, huyện Hương Khê 6 cơ sở, huyện Hương Sơn 16 cơ sở, hàng năm cung ứng ra thị trường dự kiến 155 tấn.

4.6. Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản:

a) Tiêu chí quy hoạch:

Các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản phải đáp ứng các tiêu chí:

- Nơi bày bán và bảo quản hàng hóa thức ăn chăn nuôi phải thông thoáng, đủ ánh sáng, không ẩm ướt; hạn chế được các ảnh hưởng của nhiệt độ, độ ẩm, côn trùng, động vật, bụi bẩn, mùi lạ và các tác động xấu của môi trường để đảm bảo chất lượng thức ăn chăn nuôi;

- Có thiết bị cân đo chính xác và được bảo dưỡng, kiểm định định kỳ; dụng cụ chứa đựng và dụng cụ đóng, xúc hàng hóa thức ăn chăn nuôi phải bảo đảm vệ sinh, không bị han gỉ hoặc nhiễm mốc;

- Nơi bày bán, bảo quản và các phương tiện vận chuyển, dụng cụ kinh doanh hàng hóa thức ăn chăn nuôi phải riêng biệt đối với thuốc bảo vệ thực vật và các loại hóa chất độc hại khác.

b) Định hướng mạng lưới kinh doanh:

Quy hoạch 616 cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, được phân bố tại: Thành phố Hà Tĩnh 25 cơ sở, thị xã Hồng Lĩnh 08 cơ sở, thị xã Kỳ Anh 20 cơ sở, huyện Kỳ Anh 54 cơ sở, huyện Cẩm Xuyên 120 cơ sở, huyện Thạch Hà 152 cơ sở, huyện Lộc Hà 24 cơ sở, huyện Can Lộc 93 cơ sở, huyện Đức Thọ 20 cơ sở, huyện Nghi Xuân 24 cơ sở, huyện Vũ Quang 10 cơ sở, huyện Hương Khê 07 cơ sở, huyện Hương Sơn 59 cơ sở. Hàng năm cung ứng ra thị trường dự kiến 856.135 tấn.

(Chi tiết kinh doanh giống, VTNN có Phụ biểu 03 kèm theo)

III. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN

- Dự án Bảo tồn, khôi phục, nhân giống và phát triển sản xuất cam Bù, bưởi Phúc Trạch;

- Dự án Trại sản xuất tôm giống chất lượng cao;

- Dự án Sản xuất lợn giống cấp ông bà, bố mẹ;

- Dự án Xây dựng trung tâm giống hươu;

- Dự án Sản xuất giống lúa;

- Dự án Sản xuất, phân hữu cơ;

- Dự án Mở rộng, tăng năng suất nhà máy thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc.

IV. ƯỚC TÍNH NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư:

Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: 805 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách hỗ trợ: 121 tỷ đồng, chiếm 15%.

- Vốn vay tín dụng: 322 tỷ đồng, chiếm 40%.

- Vốn tự có của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình: 362 tỷ đồng, chiếm 45%.

2. Nguồn vốn:

Vốn thực hiện quy hoạch được huy động từ nhiều nguồn: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã), các quỹ hỗ trợ phát triển sản xuất, liên doanh liên kết của các nhà máy phân bón, thức ăn chăn nuôi, tài trợ của các tổ chức quốc tế, vốn của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế và vay tín dụng.

- Vốn ngân sách đầu tư, hỗ trợ các chương trình, dự án, như: Đào tạo nguồn nhân lực và các cơ sở sản xuất giống.

- Vốn của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và vốn vay từ các tổ chức tín dụng để sản xuất giống, xây dựng, nâng cấp các nhà máy sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi và các hạng mục phục vụ sản xuất.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Về tổ chức sản xuất, kinh doanh:

- Hướng đến các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn có năng lực đủ mạnh, có tầm nhìn chiến lược và khả năng nghiên cứu, du nhập, khảo nghiệm và tổ chức sản xuất, cung ứng giống, VTNN theo quy trình khép kín, từng bước sản xuất theo công nghệ cao; xúc tiến đầu tư, lựa chọn một doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh giống, VTNN có năng lực, thương hiệu tốt giữ vai trò chủ đạo để thành lập công ty cổ phần, trong đó có các công ty giống cây trồng của tỉnh và các nhà khoa học có uy tín, tâm huyết với việc sản xuất hạt giống tại Hà Tĩnh cùng tham gia; nhằm huy động tổng lực về khoa học công nghệ, con người, tiềm lực tài chính, cơ sở hạ tầng để nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống, VTNN và chi phối thị trường, nhằm đạt mục tiêu quy hoạch đề ra.

- Hình thành mạng lưới sản xuất, kinh doanh VTNN có uy tín, thương hiệu, được kiểm soát chặt chẽ chất lượng từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã để người dân biết, lựa chọn.

- Tổ chức sản xuất và cung ứng giống theo mô hình khép kín do một doanh nghiệp có đủ uy tín và năng lực đảm nhiệm, dưới sự quản lý chặt chẽ của nhà nước.

2. Tăng cường quản lý Nhà nước về giống, VTNN:

- Tăng cường quản lý ngăn chặn, truy xuất nguồn gốc các dòng sản phẩm không đảm bảo chất lượng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ; kiên quyết loại bỏ các cơ sở sản xuất kinh doanh không đảm bảo tiêu chí, điều kiện theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ về nghiên cứu, du nhập, chọn tạo, khảo nghiệm, quy trình sản xuất, bảo quản, chế biến theo Pháp lệnh Giống và các văn bản quản lý nhà nước về giống cây trồng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai hợp quy, công bố hợp quy sản phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống trước khi đưa ra cung ứng trên thị trường.

- Tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa VTNN từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh tại Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015; kiểm tra, đánh giá, phân loại điều kiện sản xuất, kinh doanh của các cơ sở theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kiên quyết xử lý, chấm dứt hoạt động đối với các cơ sở không đủ điều kiện (xếp loại C), không thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định. 100% hàng hóa VTNN kinh doanh trên địa bàn phải có hồ sơ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, hồ sơ chất lượng sản phẩm; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Tiếp tục soát xét, cải cách thủ tục hành chính phù hợp với thực tế, đảm bảo tính khả thi, nhằm tạo hành lang kinh doanh thông thoáng, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Văn bản số 133/KL-UBND ngày 2/4/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kết luận thanh tra hoạt động sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNN ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Công bố danh sách các cơ sở đủ điều kiện, cơ sở không đủ điều kiện, cơ sở vi phạm tại các địa điểm công cộng, như: Trụ sở UBND, chợ, hội quán, trường học...

3. Giải pháp về chính sách:

- Quan tâm danh nguồn lực để khuyến khích, hỗ trợ cho sản xuất, kinh doanh giống, VTNN đảm bảo cung ứng sản phẩm có chất lượng cho sản xuất, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ đầu tư, tín dụng, đất đai và thuế cho các cơ sở đầu tư, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh giống theo các quy định hiện hành.

- Hỗ trợ chi phí sản xuất giống theo Thông tư liên tịch số 11/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 01/3/2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

- Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi giống, xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, áp dụng quy trình vietGAHP theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư.

- Hỗ trợ các cơ sở kinh doanh con giống, tinh heo và hỗ trợ các chi phí cho hệ thống quản lý chất lượng giống vật nuôi theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Áp dụng các chính sách hỗ trợ quy định tại Quyết định số 103/2000/QĐ-

TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển giống thủy sản; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/04/2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến mọi tầng lớp nhân dân:

- Sau khi quy hoạch đã được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương tiến hành tuyên truyền để người dân nắm bắt được những sản phẩm giống, VTNN có chất lượng tốt, có thương hiệu, giá cả hợp lý, dịch vụ cung ứng thuận lợi... để người dân mua sử dụng, biết lựa chọn, từ chối, loại trừ các sản phẩm cùng chủng loại nhưng không có trong định hướng quy hoạch.

- Công tác tuyên truyền bằng các hình thức: Niêm yết công khai tại các địa điểm công cộng, như: UBND phường, xã, nhà văn hóa thôn, xóm, công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng (Đài phát thanh và truyền hình, báo Hà Tĩnh, thông báo qua loa truyền thanh của thôn, xóm...).

- Cần phải có nội dung tuyên truyền phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ, bên cạnh đó công bố danh sách các đơn vị sản xuất, cung ứng các loại hàng hóa đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý.

- Tần suất tuyên truyền phải phù hợp và có kế hoạch để đạt hiệu quả cao, cụ thể: Đối với nhóm vật tư như thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y được sử dụng quanh năm tuyên truyền 01 tháng 01 lần... Đối với nhóm vật tư như giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV thì tuyên truyền theo mùa vụ, trước các vụ sản xuất cần phải tuyên truyền từ 3-5 đợt.

- Kiên quyết xử lý theo đúng pháp luật và thông báo rộng rãi, tên doanh nghiệp, sản phẩm không đảm bảo chất lượng, hàng giả, hàng nhái,... đến người sử dụng.

5. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và quản lý:

- Tập trung ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, nhất là thông qua doanh nghiệp; ưu tiên phát triển giống có chất lượng, an toàn dịch bệnh, tạo ra các dòng sản phẩm hàng hóa có khối lượng lớn, đồng nhất về chất lượng. Chuyển giao, nhân rộng công nghệ sản xuất giống lợn, bò, tôm, lúa, rau, củ, quả chất lượng cao; thực hiện đồng nhất về giống cam chanh, cam bù, bưởi Phúc Trạch; áp dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào, hom sản xuất giống cây lâm nghiệp.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống. Trên cơ sở các giống đã khảo nghiệm thành công phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu trên địa bàn. Có cơ chế thu hút các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có tiềm lực hỗ trợ, chuyển giao công nghệ sản xuất và cung cấp giống lợn, bò, tôm, lúa, rau, củ, quả, công nghệ mô hom sản xuất giống cây công nghiệp...

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, chọn tạo, nhân giống, hệ thống nhân giống, sản xuất giống; các cơ sở nuôi giữ giống phải chọn tạo hoặc nhập các bộ

giống có năng suất, chất lượng cao phù hợp để tạo sản phẩm có tính cạnh tranh; quản lý giống vật nuôi bằng cơ sở dữ liệu giống, ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp tiên tiến; bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các giống vật nuôi bản địa có lợi thế so sánh vùng.

- Ứng dụng công nghệ sinh học, biến đổi gen; chọn tạo giống cây trồng mới; nghiên cứu các quy trình phòng trừ sinh vật hại theo hướng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), áp dụng vào quá trình sản xuất giống cây trồng.

- Áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý, kiểm soát chất lượng giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản.

- Phối hợp các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh để phát huy lợi thế sẵn có về kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Tranh thủ nguồn lực từ các doanh nghiệp sản xuất, cung ứng giống trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy nhanh tiến độ sử dụng giống tốt, giống tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đại trà.

- Ứng dụng các công nghệ mới về sản xuất vật nuôi, cây trồng theo quy trình VietGAHP, sử dụng các chế phẩm sinh học trong chế biến thức ăn, xử lý môi trường.

6. Giải pháp về huy động vốn:

- Các thành phần kinh tế tăng cường sử dụng vốn tự có để đầu tư phát triển sản xuất; các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vay vốn đầu tư. Kêu gọi các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ gia đình trong và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh giống, VTNN.

- Chủ động kêu gọi các dự án liên doanh, liên kết đầu tư sản xuất, kinh doanh giống, VTNN.

- Kêu gọi và huy động nguồn lực từ nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh giống, VTNN.

- Xây dựng danh mục chương trình, dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài, kèm theo hệ thống chính sách khuyến khích đầu tư. Các lĩnh vực ưu tiên kêu gọi đầu tư, bao gồm: Phát triển nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, sản xuất và cung ứng giống.

7. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Tăng cường quản lý môi trường từ khâu lập dự án đầu tư và thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát thực hiện việc bảo vệ môi trường theo luật định, tiến tới phải nộp lệ phí bảo vệ môi trường hoặc đánh thuế gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống VTNN cần phải có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các giấy tờ tương đương khác mới được xem xét cấp giấy phép hoạt động.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, VTNN phải chấp hành nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc giấy tờ tương đương khác. Đầu tư trang thiết bị thu gom, phân loại và xử lý chất thải theo quy định. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường, nộp thuế và phí bảo vệ môi trường theo quy định.

- Các cơ quan quản lý nhà nước phải thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo 100% các cửa hàng kinh doanh thực hiện nghiêm túc các cam kết về bảo vệ môi trường.

- Đối với người trực tiếp tham gia sản xuất cần tuyên truyền, vận động thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường bằng cách: Hạn chế việc sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân vô cơ và khuyến khích chuyển sang các loại phân hữu cơ, chế phẩm sinh học, phân vi sinh, compost... trong sản xuất. Đặc biệt, yêu cầu các hộ, hợp tác xã thủy sản sử dụng chế phẩm sinh học xử lý ao hồ tại vùng nuôi trồng nhằm hạn chế ô nhiễm nguồn nước sau khi thải ra môi trường. Xây dựng thùng thu gom chất thải rắn, như chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật, màng phủ nông nghiệp... tại các vùng sản xuất. Đồng thời, phối hợp với các công ty môi trường để có kế hoạch thu gom, xử lý.

8. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Thành lập trang thông tin điện tử về giống, giải đáp các thắc mắc pháp luật trong lĩnh vực giống, lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về giống để nâng cao nhận thức người dân.

- Đào tạo cán bộ trong lĩnh vực kiểm định, kiểm nghiệm giống cây trồng; đào tạo nâng cao cho các cán bộ kỹ thuật của tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh giống về năng lực quản lý, kiểm soát chất lượng giống.

- Thực hiện có hiệu quả, thiết thực chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng kế hoạch tổng thể nhu cầu đào tạo phù hợp với chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn, đảm bảo phục vụ phát triển sản xuất của từng vùng, lĩnh vực; mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất mới, kiến thức quản lý, khởi sự, quản trị doanh nghiệp, cập nhật các chế độ chính sách, pháp luật; ưu tiên đối tượng đào tạo là bà con tiểu thương đang kinh doanh nhỏ, lẻ, chủ trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hàng năm tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch quản lý chất lượng hàng hóa VTNN trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra, đánh giá, phân loại điều kiện của các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN do sở kế hoạch cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, phúc tra kết quả triển khai của các cơ quan cấp huyện; chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương lấy mẫu kiểm tra chất lượng các loại hàng hóa VTNN cung ứng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành tổ chức, triển khai thực hiện Quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh, đề xuất giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổ chức quản lý, sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành.

- Tổ chức, phối hợp với UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức tập huấn các văn bản pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực quản lý sản xuất, kinh doanh giống, VTNN; thủ tục đăng ký chứng nhận công bố tiêu chuẩn chất lượng giống, VTNN.

- Phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn công tác xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016- 2020, phương án sản xuất, kinh doanh, quản lý chất lượng giống, VTNN.

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở, các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và áp dụng rộng rãi các quy trình công nghệ sản xuất giống mới, sạch bệnh; phổ biến, chuyển giao rộng rãi các mô hình, công nghệ sản xuất giống mới có hiệu quả; tham gia công tác tuyên truyền để người dân thực hiện đúng các quy định về sản xuất, kinh doanh giống của Nhà nước.

- Phân bổ kinh phí nâng cấp cơ sở, bổ sung phương tiện, trang thiết bị phòng kiểm nghiệm và nâng cao năng lực quản lý.

- Tổng hợp các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện quy hoạch, báo cáo về tình hình thực hiện quy hoạch cho UBND tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, phân loại các cơ sở do tỉnh quản lý; chủ trì, phối hợp các địa phương kiểm tra chất lượng các loại giống, phân bón (trừ phân bón vô cơ); thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi... cung ứng phục vụ sản xuất.

- Nghiên cứu, xây dựng đề án tăng cường năng lực quản lý chất lượng, hàng hóa VTNN, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ngành liên quan:

- Sở Tài chính: Phối hợp các sở, ngành liên quan, phân bổ kinh phí nguồn sự nghiệp ngân sách Nhà nước thực hiện Quy hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc niêm yết giá, cấp phát, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với các sở, ngành, tổng hợp phân bổ kinh phí nguồn đầu tư phát triển để triển khai thực hiện Quy hoạch.

- Sở Công Thương: Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, bao bì, nhãn mác... Chủ trì kiểm tra, kiểm soát chất lượng phân bón vô cơ, công khai kết quả kiểm tra đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương để tuyên truyền, hướng dẫn bà con nông dân biết, lựa chọn; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về chất lượng VTNN.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai các chính sách về đất đai, thực hiện công tác quản lý môi trường phục vụ phát triển giống, VTNN bền vững.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì hướng dẫn đăng ký tiêu chuẩn chất lượng giống, VTNN theo quy định; triển khai các đề tài, dự án trong ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong công tác giống.

- Các Hội, Đoàn thể: Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền các Hội viên tham gia tích cực trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan truyền thông, báo chí: Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng giới thiệu, tuyên truyền về lợi ích của việc sử dụng giống, VTNN tốt, thông tin đầy đủ về công tác quản lý, sản xuất kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- Chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về công tác sản xuất, kinh doanh giống, VTNN trên địa bàn quản lý. Phối hợp với các sở, ngành chức năng có liên quan thực hiện công tác phát triển giống trên địa bàn.

- Tổ chức quản lý giống theo Pháp lệnh Giống cây trồng, Pháp lệnh Giống vật nuôi, Pháp lệnh Thú y, Luật Bảo vệ thực vật...; các quyết định về quản lý giống, VTNN của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tăng cường sự phối hợp và phân cấp quản lý giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành trong công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của Nhà nước về giống và VTNN; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón; kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm trên địa bàn và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng; chuyển cơ quan điều tra những trường hợp cố tình vi phạm pháp luật, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Phải có trách nhiệm trong công tác quản lý chất lượng VTNN là một nhiệm vụ quan trọng tại địa phương; thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, nắm vững tình hình, đấu tranh ngăn chặn việc sản xuất, kinh doanh VTNN không đảm bảo chất lượng trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Kiên quyết đình chỉ các cơ sở nhỏ lẻ, không đủ điều kiện kinh doanh.

- Tăng cường công tác quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh do địa phương quản lý: Rà soát, thống kê danh sách cơ sở, kiểm tra, đánh giá điều kiện sản xuất, kinh doanh; kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, bao bì nhãn mác, hồ sơ chất lượng các loại hàng hóa VTNN cung ứng trên địa bàn; thông tin kịp thời, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc lấy mẫu các lô giống, phân bón, thức ăn chăn nuôi... cung ứng trên địa bàn để phục vụ công tác kiểm soát chất lượng và chủng loại VTNN.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh giống, VTNN:

- Chấp hành đúng quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh giống, VTNN (về thủ tục pháp lý, cơ sở vật chất, kho, bao bì chứa đựng, nhãn mác...). Không kinh doanh hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng,

hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ; thực hiện đúng quy định về niêm yết giá và bán theo giá niêm yết; sử dụng phương tiện đo lường đã được kiểm định...

- Ký cam kết chấp hành đúng quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ có liên quan và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan đánh giá thực hiện nhiệm vụ.

- Tham gia các lớp tập huấn về sản xuất, buôn bán do cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ thực vật tổ chức.

- Các cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh, các đại lý kinh doanh cấp 1 chỉ cung cấp hàng hóa cho những cơ sở kinh doanh có đủ điều kiện; tuyệt đối không cung cấp cho các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ, không đủ điều kiện kinh doanh. Hàng năm, lập danh sách hệ thống phân phối trên địa bàn tỉnh gửi Chi cục Quản lý thị trường - Sở Công Thương để theo dõi, quản lý.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất kinh doanh giống: Thực hiện sản xuất, kinh doanh giống, VTNN đúng theo Pháp lệnh Giống cây trồng, vật nuôi, Luật Bảo vệ thực vật, Quy chế Quản lý giống, VTNN và các nội dung có liên quan trong quy hoạch của tỉnh.

- Các cơ sở kinh doanh lựa chọn đơn vị cung ứng giống, VTNN có uy tín, có khả năng cung ứng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, phục vụ nhu cầu sản xuất của nông dân. Ngoài ra, các cửa hàng kinh doanh cần lập hồ sơ theo dõi và quản lý mẫu các lô hàng trước khi cung ứng cho các địa phương; đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, kiểm soát việc sản xuất, kinh doanh và lưu thông phân phối VTNN.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

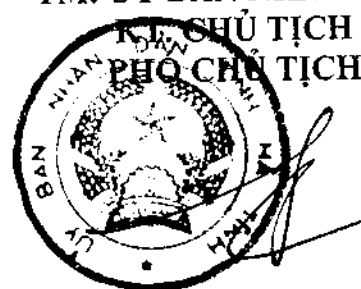
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Phó VP UBND tỉnh (phụ trách);
 - Trung tâm CB-TH;
 - Lưu: VT, NL, NL₁.
- Gửi: VB giấy (25b) và điện tử.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đặng Ngọc Sơn

**PHỤ BIỂU 01: ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG
ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh)

STT	Giống cây trồng/Đơn vị hành chính	Quy mô diện tích (ha)	Sản lượng/năm giống lúa, lạc, ngô (tấn/năm), cam, bưởi (cây/năm), gỗ nguyên liệu (triệu cây/năm), chè (triệu bâu/năm)
I	Giống lúa	1.055,4	7.199,9
1	Thị xã Hồng Lĩnh	64,0	441,6
2	Huyện Cẩm Xuyên	183,9	744,0
3	Huyện Thạch Hà	194,4	1.152,0
4	Huyện Can Lộc	278,6	1.998,1
5	Huyện Đức Thọ	334,5	2.864,3
II	Giống Lạc	1.709,0	4.260,0
1	Huyện Kỳ Anh	100,0	300,0
2	Huyện Cẩm Xuyên	130,0	365,0
3	Huyện Thạch Hà	360,0	930,0
4	Huyện Lộc Hà	314,0	855,0
5	Huyện Can Lộc	130,0	290,0
6	Huyện Đức Thọ	80,0	190,0
7	Huyện Nghi Xuân	200,0	440,0
8	Huyện Vũ Quang	55,0	115,0
9	Huyện Hương Khê	200,0	465,0
10	Huyện Hương Sơn	140,0	310,0
III	Giống Ngô	540,0	230,0
1	Huyện Đức Thọ	105,0	68,0
2	Huyện Vũ Quang	73,0	25,0
3	Huyện Hương Khê	132,0	59,0
4	Huyện Hương Sơn	230,0	78,0
IV	Giống Cam	15,6	310.000,0
1	Huyện Vũ Quang	3,0	10.000,0
2	Huyện Hương Sơn	2,6	100.000,0
3	Huyện Hương Khê	10,0	200.000,0
V	Giống Bưởi	23,0	200.000,0
1	Huyện Hương Khê	23,0	200.000,0
VI	Giống cây gỗ nguyên liệu	24,5	12,0
1	Huyện Kỳ Anh	11,0	3,5
2	Huyện Cẩm Xuyên	1,5	2,0
3	Huyện Hương Khê	2,0	1,5
4	Huyện Hương Sơn	10,0	5,0
VII	Giống chè	21,0	8,4
1	Huyện Kỳ Anh	3,0	1,2
2	Huyện Hương Khê	8,0	3,2
3	Huyện Hương Sơn	10,0	4,0

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

**PHỤ BIỂU 02: ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SẢN XUẤT GIỐNG VẬT NUÔI ĐÈN
NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh)

STT	Giống vật nuôi/Đơn vị hành chính	Quy mô diện tích (ha)	Sản lượng/ năm giống lợn, gia cầm, hươu (con/năm), thủy sản (triệu con/năm)
I	Giống lợn	130,0	204.700,0
1	Thị xã Hồng Lĩnh	4,0	15.000,0
2	Huyện Kỳ Anh	2,0	13.200,0
3	Huyện Cẩm Xuyên	34,2	57.000,0
4	Huyện Thạch Hà	19,0	31.050,0
5	Huyện Can Lộc	6,0	10.000,0
6	Huyện Đức Thọ	3,0	15.000,0
7	Huyện Nghi Xuân	18,8	35.500,0
8	Huyện Vũ Quang	17,0	26.000,0
9	Huyện Hương Sơn	26,0	1.950,0
II	Giống Gia cầm	16,0	481.000,0
1	Huyện Cẩm Xuyên	12,0	411.000,0
2	Huyện Thạch Hà	1,0	10.000,0
3	Huyện Can Lộc	1,0	20.000,0
4	Huyện Kỳ Anh	2,0	40.000,0
III	Giống Hươu	50,0	10.000,0
	Huyện Hương Sơn	50,0	10.000,0
IV	Giống thủy sản	12,0	5.185,0
1	Huyện Nghi Xuân	9,0	4.300,0
2	Thị xã Kỳ Anh	3,0	885,0

UBND
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ BIỂU 03 : ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CƠ SỞ KINH DOANH GIỐNG, VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 1533 /QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Lĩnh vực kinh doanh											
		Phân bón		Thuốc BVTV		Thú y		Thực ăn		Cây trồng		Giống	
		Số cơ sở KD	Lượng tiêu thụ/năm	Số cơ sở KD	Lượng tiêu thụ/năm	Số cơ sở KD	Lượng tiêu thụ/năm	Số cơ sở KD	Lượng tiêu thụ/năm	Số cơ sở KD	Lượng tiêu thụ/năm	Số cơ sở KD	Lượng tiêu thụ/năm
	Tổng	544	121.386	369	424	312	155	616	856.135	76	6.871.000	88	16.977.210
1	Thành phố Hà Tĩnh	19	2.713	24	2	17	30	25	11.499	3	500.000	1	150.000
2	Thị xã Hồng Lĩnh	15	6.010	5	1	8	1	8	6.500	1	50.000	1	250.000
3	Kỳ Anh	72	18.553	43	50	39	29	54	18.815	2	90.000	5	645.610
4	Thị xã Kỳ Anh	17	6.646	15	3	14	5	20	250	4	200.000	1	300.000
5	Huyện Cẩm Xuyên	73	8.185	53	47	67	17	120	124.450	6	260.000	19	1.801.500
6	Huyện Thạch Hà	93	13.863	58	128	38	7	152	35.300	8	633.140	8	4.816.100
7	Huyện Lộc Hà	29	8.350	20	12	18	4	24	16.000	5	300.000	6	1.000.000
8	Huyện Can Lộc	71	10.549	45	44	59	15	93	97.750	6	313.860	15	1.576.200
9	Huyện Đức Thọ	27	11.251	25	20	6	2	20	14.000	5	15.000	6	1.500.000
10	Huyện Nghi Xuân	21	3.250	14	13	14	14	24	360.000	13	124.000	10	337.800
11	Huyện Vũ Quang	16	5.717	11	30	10	12	10	46.910	3	1.500.000	3	1.300.000
12	Huyện Hương Khê	30	11.950	24	15	6	2	7	86.861	10	2.200.000	6	2.500.000
13	Huyện Hương Sơn	61	14.349	32	59	16	18	59	37.800	10	685.000	7	800.000

Handwritten signature ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH